

Số: 175/2024/QĐST-DS

N, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 178/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Tuấn Đ, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn Chanh L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Chung cư E tầng, Lô A, KV9, phường H, quận C, thành phố C. (Văn bản ủy quyền số công chứng: 1808, quyển số: 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/12/2023 của Văn phòng C)

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Bích T, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Số A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thanh T1, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Số B N, phường V, Thành phố R, tỉnh K (Ủy quyền cho bà Lê Thị Bích T, văn bản ủy quyền số chứng thực 467 quyển số 01/2024 SCT/CK, ĐC ngày 22/10/2024 của UBND phường V, thành phố R, tỉnh K)

2/ Bà Đặng Ánh H, sinh năm: 1957.

3/ Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1980.

4/ Ông Lê Hoàng B, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Số A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

Ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng B uỷ quyền cho bà Đặng Ánh H (*Văn bản uỷ quyền số công chứng: 510, quyển số: 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2024 của Văn phòng C*)

5/ Bà Nguyễn Lê Hoàng L1, sinh năm: 1979.

6/ Ông Nguyễn Lê T2, sinh năm: 1977.

7/ Ông Nguyễn Lê T3, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Số A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

Ông Nguyễn Lê T2, ông Nguyễn Lê T3 uỷ quyền cho bà Nguyễn Lê Hoàng L1 (*Văn bản uỷ quyền số công chứng: 508, quyển số: 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2024 của Văn phòng C*)

8/ Bà Nguyễn Như Y, sinh năm: 1963.

9/ Bà Lê Phước Bảo K, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

Bà Lê Phước Bảo K uỷ quyền cho bà Nguyễn Như Y (*Văn bản uỷ quyền số công chứng: 509, quyển số: 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2024 của Văn phòng C*)

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận Tờ chúc ngôn của ông Lê Văn K1 được lập ngày 20/8/1987. Công nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn K1 để lại là quyền sử dụng đất cho các con, cháu gồm: ông Lê Tuấn Đ và các con, cháu được hưởng cùng thoả thuận theo ***Bản trích đo địa chính số 977/VPĐKĐĐ ngày 02/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai của Sở T4, vị trí đất tại đường M (đường C cũ), phường A, quận N, thành phố C, tổng diện tích là 1188.5m², loại đất DT + CLN.*** Cụ thể thoả thuận phân chia như sau:

1/ Ông Lê Tuấn Đ được quyền sử dụng đất tại vị trí: phần (A) có diện tích đất ODT 98.4m², phần (D) có diện tích đất ODT 296.0m² và phần (G) có diện tích đất 149.0m² (gồm ODT 132.1m² + CLN 16.9m²).

2/ Bà Nguyễn Như Y được quyền sử dụng đất tại vị trí: phần (B) có diện tích đất ODT 108.4m².

3/ Bà Nguyễn Thị Hoàng L2 được quyền sử dụng đất tại vị trí: phần (E) có diện tích đất ODT 96.3m².

4/ Bà Đặng Ánh H được quyền sử dụng đất tại vị trí: phần (F) có diện tích

đất ODT 83.8m².

5/ Công nhận quyền sử dụng đất chung tại vị trí (C) có diện tích 96.6m² và (H) có diện tích 123.2m² cho ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thanh T1, bà Đặng Ánh H, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng B, bà Lê Thị Hoàng L3, ông Nguyễn Lê T2, ông Nguyễn Lê T3, mục đích đất chỉ để làm khu nhà mồ của gia tộc, không ai được sang nhượng, tặng cho người khác với bất kỳ hình thức nào. Các đồng sử dụng đất tạm giao cho ông Lê Tuấn Đ quản lý đất theo quy định.

6/ Công nhận đường đi nội bộ lối đi chung của gia đình tại vị trí (I) có diện tích 66.0m² và (J) có diện tích 74.3m².

Các đương sự có tên nêu trên tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và tự chịu các khoản thuế phí theo quy định của pháp luật về đất đai.

(Đính kèm theo Quyết định này là Bản trích đo địa chính số 977/VPĐKĐĐ ngày 02/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai của Sở T4)

*** Về lệ phí và án phí dân sự sơ thẩm của Tòa án:**

+ *Lệ phí giám định, đo đạc:* ông Lê Tuấn Đ đã nộp và thanh toán xong.

+ *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thanh T1, bà Nguyễn Như Y và bà Đặng Ánh H được miễn án phí do là người cao tuổi.

Bà Lê Thị Hoàng L3 phải chịu án phí 8.137.000 đồng (*tám triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) (gồm: án phí trên phần đất được hưởng thừa kế riêng 7.222.000 đồng + án phí phần đất được hưởng thừa kế chung là 915.000 đồng).

Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí trên phần đất được hưởng thừa kế chung là 915.000 đồng (*chín trăm mười lăm ngàn đồng*).

Ông Lê Hoàng B phải chịu án phí trên phần đất được hưởng thừa kế chung là 915.000 đồng (*chín trăm mười lăm ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Lê T2 phải chịu án phí trên phần đất được hưởng thừa kế chung là 915.000 đồng (*chín trăm mười lăm ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Lê T3 phải chịu án phí trên phần đất được hưởng thừa kế chung là 915.000 đồng (*chín trăm mười lăm ngàn đồng*).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục thi hành án dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký